

PhÇn thờ nhÊt

TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI TRONG LỊCH SỬ VÀ SỰ KẾ THỪA CỦA HỒ CHÍ MINH

Chương 1

ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM, CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

Hồ Chí Minh là đỉnh cao của *văn hóa Việt Nam*, là mẫu mực đẹp nhất *con người Việt Nam*. Những truyền thống dân tộc trong nhận thức và trong thực tiễn xây dựng văn hóa và con người mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu và nâng cao gắn liền với lịch sử sản xuất, chiến đấu và xây dựng đời sống cộng đồng của dân tộc Việt Nam.

1. Tinh thần và văn hóa của con người Việt Nam trong quan hệ với thiên nhiên.

Hoàn cảnh thiên nhiên và bản năng thích ứng để tồn tại của con người Việt Nam.

Việt Nam nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa, với khí hậu nóng ẩm, với chất đất phù sa, với sông ngòi trải khắp. Môi trường thiên nhiên ấy đã để lại những dấu ấn sâu đậm trên sắc thái của nền văn minh Đại Việt. Đó là nền văn minh gắn liền với sông nước, với thực vật và với lúa nước.

Để tồn tại và phát triển, con người Việt Nam từ thời xa xưa đã sớm tìm cách thích ứng và hòa nhập tối đa với những điều kiện thiên nhiên ấy, một thiên nhiên vừa hào phóng vừa khắc nghiệt.

Lao động cần cù và sáng tạo là phẩm chất quan trọng đầu tiên được hình thành, ngày càng phát huy và trở thành truyền thống quý báu của con người Việt Nam.

Trồng lúa nước là đặc điểm chung của Việt Nam và các nước vùng Đông Nam châu Á. Kinh nghiệm trồng lúa nước trải qua hàng ngàn năm đã đem lại cho con người Việt Nam những kiến thức sâu sắc. Ngoài ra, do sự đa dạng về địa hình, khí hậu và thổ nhưỡng, người Việt cổ đã tận dụng đất đai và khai thác một cách thông minh các vùng đất khác nhau: vùng thấp và vùng cao, đồng lầy và khô cạn, để trồng các loại lúa và hoa màu khác nhau.

Sự thích ứng với hoàn cảnh thiên nhiên

Cũng được thể hiện đậm nét trên các mặt sinh hoạt vật chất về ăn, mặc, ở, tạo nên nhiều nét độc đáo của con người Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày.

Về ăn: Với nguyên liệu chủ yếu là thực vật và một số ít động vật như thế, con người Việt thời xưa đã có rất nhiều sáng kiến chế biến các thức ăn để được thay đổi luôn cho nó hợp khẩu vị và thời tiết. Trong lịch sử ngày càng phát triển của dân tộc, đất nước được khai phá và mở rộng thêm, thức ăn được phong phú thêm và càng được chế biến với nhiều dạng thức hơn nữa. Chính vì thế mà con người Việt Nam đã sớm thể hiện một trình độ *văn hóa ẩm thực khá cao*, vừa tinh vi, vừa tế nhị được duy trì và phát triển cho tới ngày nay.

Về mặc: Quần áo thì rất giản dị cho phù hợp với thời tiết nhưng trang sức thì lại được đặc biệt quan tâm. Đó là đặc điểm của văn hoá trang phục ở Việt Nam, rất giản dị nhưng vẫn chứa đựng những nét thẩm mỹ khá tinh vi.

Về ở: Để thích nghi với khí hậu nhiệt đới và sống hòa nhập với thiên nhiên, ở những địa điểm cư trú khác nhau như miền trung du, miền núi, miền ven biển, người ta luôn luôn có ý thức dựng nhà như thế nào cho thích hợp.

Trong điều kiện sinh hoạt vật chất: ăn, mặc, ở như trên, con người Việt Nam đã sớm tạo ra một *môi trường sinh thái có sự hài hòa tốt đẹp giữa cuộc sống của mình với hoàn cảnh thiên nhiên.*

Những nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam được hình thành từ trong quan hệ với thiên nhiên.

Trước hết là *tinh thần đoàn kết phấn đấu* để cùng nhau khắc phục mọi khó khăn thử thách của thiên nhiên và cùng nhau lao động cần cù, sáng tạo để khắc phục nguy cơ đói nghèo của gia đình và cộng đồng xã hội.

Lao động đi đôi với tiết kiệm. Con người Việt Nam *sớm biết yêu lao động, quý trọng người lao động, tiết kiệm trong tiêu dùng, khinh ghét những kẻ chây lười, ăn bám và không ngừng lên án những kẻ tham ô, lãng phí, làm giàu bất chính.*

Con người Việt Nam luôn luôn gắn bó với thiên nhiên. Với ý chí kiên cường và bàn tay sáng tạo, con người Việt Nam đã cải tạo đất nước, làm cho nó ngày càng thêm phong phú và tươi đẹp, trở thành một tác phẩm thẩm mỹ của mình. Tình yêu thiên nhiên còn nổi lên rất đậm nét ở những nhà trí thức Việt Nam, những nhà thơ, nhà triết học... cho đến Hồ Chí Minh sau này, ta đều thấy cuộc sống gắn bó ấy giữa con người và thiên nhiên.

Nếu như nhà nước ta và nhân dân ta biết *phát huy truyền thống lâu đời là sống hài hòa với thiên nhiên, yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên... chúng ta sẽ phát huy được những thế mạnh vốn có, để phát triển đất nước mà vẫn xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người và thiên nhiên.*

Coi thiên nhiên như máu thịt của mình, từ bao đời đổ vào đó cả tâm huyết và tài năng, con người Việt Nam đã tạo môi trường thiên nhiên của mình thành *Tổ Quốc thiêng liêng* mà đời này qua đời khác nối tiếp nhau kiên quyết bảo vệ. Chủ nghĩa yêu nước cũng bắt đầu từ đó.

2. Tinh thần và văn hóa của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Ý thức về chủ quyền dân tộc.

Quyết tâm giành giữ chủ quyền dân tộc.

Nguy cơ diệt vong kéo dài suốt gần một ngàn năm đã liên tục đặt dân tộc trước hai con đường: hoặc tự xóa bỏ mình với tư cách là một dân tộc và biến thành một quận huyện của nước ngoài, thủ tiêu nền văn hóa của mình, xóa sạch ngôn ngữ, phong tục, tập quán và mọi đặc tính của con người Việt Nam, hoặc là quyết tâm bền bỉ chiến đấu đời này qua đời khác, nổi dậy bị đàn áp, lại tiếp tục nổi dậy cho đến thắng lợi cuối cùng. Dân tộc Việt Nam đã chọn con đường thứ hai. Sự lựa chọn đó là dứt khoát. Đó là một tư tưởng lớn chi phối ý nghĩ và hành vi của mỗi con người, là điểm nổi bật trong truyền thống văn hóa Việt Nam.

Đó cũng là tinh thần *quyết tâm chiến đấu đến cùng để giành lại độc lập và tự do, giữ lấy toàn vẹn chủ quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của dân tộc.*

Kiên cường bất khuất, mưu trí sáng tạo trong bảo vệ chủ quyền dân tộc. Với chí khí quật cường, con người Việt Nam đã không ngừng đổ máu để đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Tinh thần và ý chí ấy tạo nên một sức mạnh vô địch đánh tan mọi kẻ xâm lược. Tinh thần và ý chí ấy không những tạo ra thái độ kiên cường bất khuất mà còn rèn đúc nên những con người *rất mưu trí và sáng tạo trong chiến đấu và chiến thắng*, liên tiếp gây cho địch hết bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Chúng ta cũng sẽ hiểu vì sao Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến vai trò của văn hóa, đến sức mạnh tinh thần và đặc biệt là phẩm chất *mưu trí và sáng tạo* gắn liền với phẩm chất yêu nước và anh hùng.

3. Tinh thần và văn hóa của con người Việt Nam trong cuộc sống cộng đồng.

Việt Nam và tính cộng đồng làng xã.

Tính cộng đồng vốn là đặc điểm của nhân loại, nhưng ở Việt Nam, tính cộng đồng còn là sản phẩm đặc thù của hoàn cảnh kinh tế xã hội Việt Nam, trở thành điều kiện sống còn và sức sống trường tồn của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam trước mọi thử thách.

Công trình thủy lợi to lớn và thường xuyên cùng với nhu cầu đoàn kết toàn dân để chống ngoại xâm đã có tác dụng hình thành và kéo dài một tổ chức xã hội: Đó là *công xã nông thôn Việt Nam*. Tổ chức này có tính ổn định từ đời này qua đời khác, và tạo ra sự bền vững của *khối cộng đồng làng xã Việt Nam*. Làng xã Việt Nam tự quản với một *nền dân chủ làng xã* rất độc đáo.

Chế độ quân điền đã ràng buộc người nông dân với làng xã, dù có đời làng ra đi kiếm ăn thì cuối cùng vẫn quay trở lại nơi có một thửa ruộng để sinh sống và đặc biệt là nơi có những ràng buộc lâu đời về tình cảm với gia đình, dòng họ, với phe giáp xóm thôn.

Sự tồn tại lâu đời của công xã nông thôn có tác dụng củng cố tính cộng đồng làng xã, nhưng trong quá trình phát triển lịch sử, nó cũng bộc lộ nhiều nhược điểm gắn liền với sự khổ cực của quần chúng nhân dân và sự hạn chế về mọi mặt của đời sống tinh thần.

Làng xã Việt Nam đã *phát huy được ý thức tập thể, tinh thần chủ động và sáng tạo* của mọi người. Tính cộng đồng được củng cố bền chặt trong những phong tục tập quán kéo dài từ đời này qua đời khác.

Làng xã Việt Nam đã có những đóng góp rất to lớn trong những thời kỳ chống ngoại xâm.

Nền nông nghiệp chủ yếu là độc canh khép kín trong lũy tre xanh, với một số lượng đất ít ỏi khiến cho làng xã kéo dài sự nghèo túng từ đời này qua đời khác.

Tính cộng đồng cũng tạo thêm *một sức mạnh mới trong sự gắn bó với nhau nơi đất mới*. Hoàn cảnh mới nâng cao hơn nữa truyền thống cộng đồng từ xa xưa và thể hiện nó qua nhiều hình thức sinh hoạt và giao tiếp rất phong phú và đa dạng.

Ở Việt Nam, tính cộng đồng làng xã đã sớm được mở rộng thành tính cộng đồng dân tộc. Chính vì thế mà mối quan hệ mật thiết giữa những dân cư trên dải đất Việt Nam ngày càng mật thiết hơn, tinh thần đoàn kết dân tộc và ý thức về Tổ Quốc không ngừng nâng cao.

Lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam trước hết là tình cảm sâu sắc giữa nhân dân lao động Việt Nam.

Lòng yêu nước Việt Nam, với cơ sở vững chắc của tình yêu thương gắn bó giữa nhân dân lao động chính là *một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc*, vượt ra khỏi sự hạn chế của ranh giới một nước. Nó xa lạ với những thành kiến, hận thù giữa dân tộc này với dân tộc khác.

Nhân dân ta chiến đấu suốt mấy ngàn năm để bảo vệ Tổ Quốc, nhưng tình cảm và nguyện vọng không phải là chiến tranh mà là hòa bình.

Tính cộng đồng nói trên biểu hiện sinh động và phong phú trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân Việt Nam. Thái độ niềm nở, tinh thần hiếu khách của con người Việt Nam không chỉ bộc lộ trong phạm vi họ hàng, thôn xóm mà còn mở rộng ra đối với cả người nước ngoài. Ở đây chúng ta không chỉ thấy trình độ văn hóa trong giao tiếp gọi là phép lịch sự, mà còn thấy toát lên vẻ đẹp và sự sâu sắc của tính cộng đồng Việt Nam trong quan hệ giữa người với người.

Với tính cộng đồng, người Việt Nam đặt lợi ích cộng đồng cao hơn lợi ích cá nhân, lợi ích Tổ Quốc cao hơn lợi ích gia đình. Có thể nói rằng:

tính cộng đồng của con người Việt Nam là cơ sở bền vững cho tinh thần dũng cảm phi thường và đầu óc mưu trí sáng tạo của họ.

Tóm lại, tính cộng đồng là điều kiện tất yếu để tồn tại, là tình cảm tự nhiên giữa người và người trong xã hội Việt Nam.

Tính cộng đồng Việt Nam là sự gắn bó lẫn nhau trong nhiệm vụ lớn của làng, của nước, cũng như trong cuộc sống riêng tư của mỗi gia đình.

Tính cộng đồng Việt Nam là sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo. Nói cách khác: tính cộng đồng Việt Nam chính là chủ nghĩa nhân đạo Việt Nam mà biểu hiện cao nhất là chủ nghĩa yêu nước. Kết hợp với truyền thống anh dũng mưu trí, nó tạo nên cốt lõi của bản sắc dân tộc Việt Nam.

Tính cộng đồng Việt Nam được kết tinh trong khẩu hiệu của Bác Hồ “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*”. Đó là sự thống nhất giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa nhân đạo. Đó là thái độ bao dung và đoàn kết giữa các tộc người trong cộng đồng Tổ Quốc Việt Nam, giữa các tôn giáo, các thế hệ, các địa phương, là tinh thần hiếu khách, ứng xử đúng đắn và linh hoạt, văn minh và tế nhị trong giao lưu với người nước ngoài.

4. Hồ Chí Minh và sự kế thừa truyền thống dân tộc

Nghệ An là quê gốc của Hồ Chí Minh. Người dân Nghệ An đã tự rèn cho mình truyền thống quý báu rất tiêu biểu cho những truyền thống quý báu của dân tộc. Đó là tinh thần lao động cần cù, sáng tạo. Đó là tinh thần đoàn kết chiến đấu, cuộc chiến đấu thực sự, chiến đấu dai dẳng và quyết liệt để chống thiên tai.

Đó là một nền tảng tinh thần vững chắc để Hồ Chí Minh đi tiếp, vượt qua những chặng đường đầy chông gai thử thách, nhằm giành độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

Nghệ An và quê hương Nam Đàn của Hồ Chí Minh là một địa phương nổi tiếng có nhiều người học giỏi, đỗ cao. Rất nhiều người từ đây ra đi dạy học trên mọi miền của đất nước (thầy đồ Nghệ). Ở Hồ Chí Minh, tinh thần ham học được truyền lại từ đời cha lại càng được nhân lên gấp nhiều lần, bởi có một điều tối quan trọng là động cơ học tập "vì nước vì dân" luôn luôn thôi thúc Người trong suốt cuộc đời.

Hồ Chí Minh đã kế thừa xuất sắc những truyền thống quý báu của dân tộc, của quê hương và gia đình. truyền thống ấy ngày một phát triển và nâng cao ở Người: truyền thống yêu nước, truyền thống kiên cường và bất khuất, truyền thống lao động và tiết kiệm, và đặc biệt là truyền thống văn hóa của dân tộc, tinh thần *hiếu học, nhân đạo và anh hùng*.

Chương 2

HỒ CHÍ MINH VỚI TƯ TƯỞNG PHƯƠNG ĐÔNG

VỀ VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI

Chúng ta có thể khái quát lại một số quan điểm cơ bản của triết học phương Đông, chủ yếu là của Nho giáo về văn hóa và con người, để từ đó tìm xem Hồ Chí Minh đã gạt bỏ những gì và giữ lại những gì, cũng từ đó mà có thể hiểu sâu hơn những tư tưởng hoàn chỉnh sau này của Hồ Chí Minh về văn hóa và con người.

1. Mấy vấn đề về văn hóa và con người trong tư tưởng triết học phương Đông.

Nguồn gốc của con người.

Trước hết là vấn đề: ai sinh ra con người?

Ba vị tiền bối sáng lập ra triết học ở Trung Hoa (Khổng Tử, Mặc Tử, Lão Tử) đưa ra nhiều quan điểm. Cả Khổng Tử và Mặc Tử đều cho rằng Trời sinh ra dân (sinh ra người) cũng như sinh ra muôn vật,

Mặc Tử coi Trời là đáng tối cao, có uy quyền tuyệt đối. Ông rất tin ở Trời và tin cả ở quỷ thần, cho rằng người phải thờ Trời và thờ cả quỷ thần.

Khổng Tử coi Trời như một thế lực bào trùm, điều động vũ trụ xoay vần theo định luật khách quan Ông cũng tin ở trời, một sức mạnh huyền bí,

Lão Tử khác với Khổng, Mặc. Ông cho rằng trước khi có Trời thì đã có cái gì đó là nguyên thủy của trời, đất, vạn vật. Đó là ĐẠO. Trời, đất, cũng như người và vạn vật đều do ĐẠO sinh ra, nói cách khác: đều là sản phẩm của vận động âm - dương mà ra. Còn Trang Tử, người kế thừa xuất sắc học thuyết của Lão Tử thì cũng không thừa nhận có tạo hóa là chủ thể sáng tạo, mà cho rằng ở mỗi vật, từ vật hết sức lớn đến vật vô cùng nhỏ, đều có cái sức tự sinh tự hóa ở bên trong.

Vậy xác định như thế nào vị trí và vai trò của con người trong mối quan hệ giữa trời, đất, con người và vạn vật trong vũ trụ?

Lão Tử cho rằng: trong vũ trụ có bốn cái lớn: “Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, người cũng lớn”. Đặc biệt đối với Nho giáo, con người được đặt lên vị trí rất cao.

Giữa Trời và người có mối quan hệ đặc biệt.

Hầu hết các triết gia đều nhận rằng Trời là gốc của người, Trời với người là một, do đó mới có chủ trương “*Thiên nhân hợp nhất*”, hoặc “*Thiên nhân tương cảm*”, “*Thiên nhân tương thông*”. Tuy nhiên, trong quan hệ giữa Trời với Người, thì Người luôn luôn phải theo Trời. Con người phải lấy phép tắc của Trời làm mẫu mực.

Lão, Trang tuy có hơi khác, nhưng khi các ông đã cho rằng Đạo là tự nhiên, Đạo sinh ra vạn vật trong đó có cả trời, cả đất, cả người, thì chung

quy lại các ông cũng vẫn coi Trời với Người là một, và cùng ở tự nhiên mà ra.

Hậu Nho tiếp tục phát triển tư tưởng “thiên nhân hợp nhất”. Riêng Đông Trọng Thư đời Hán lại phát triển vấn đề theo một hướng khác. Lại có không ít người chủ trương “*thiên nhân bất tương quan*”, mà người tiêu biểu trước hết là Tuân Tử. Ông cho rằng Trời không thể làm hại được người, nếu ta “làm cho mạnh cái gốc (tức nghề nông), chi dùng có tiết độ thì trời không thể làm cho nghèo được”

Bản tính của con người

Con người là tinh hoa tụ hội của Trời đất, quý thân, nên con người vượt hẳn lên muôn vật. Con người khác xa và hơn hẳn loài vật. Cái khác xa và hơn hẳn của con người chính là ở “tính của con người”.

Đặc trưng cuộc sống của người phương Đông là đặt tinh thần lên trên vật chất, đặt cộng đồng lên trên cá nhân, coi phẩm chất đạo đức, sự trong sáng của tâm hồn là những giá trị cao đẹp nhất.

Có thể nói: Khổng Tử đã suốt đời muốn xây dựng một cuộc sống văn hóa cho cả xã hội và cho mỗi người; học thuyết của ông chủ yếu là học thuyết về văn hóa và con người.

Con người và văn hóa.

Nho giáo đòi hỏi con người quân tử, con người có văn hóa, phải là sự thống nhất giữa cái lành mạnh bên trong (CHẤT) với cái biểu hiện tốt đẹp bên ngoài (VĂN). Vấn đề xây dựng con người được đặt ra trước hết ở sự nỗ lực của cá nhân, với sự quan tâm của gia đình, xã hội và nhà nước.

Nho giáo đặt vấn đề xây dựng con người một cách thiết thực. Chính vì thế mà tư tưởng phương Đông được chấp nhận rộng rãi nhất, có ảnh hưởng nhiều nhất đối với xã hội suốt mấy ngàn năm lịch sử, chính là tư tưởng của Nho giáo về xây dựng con người.